

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **315 /2018/HS-PT**

Ngày: 29 – 11 - **2018**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:</i>	Ông Nguyễn Văn Tiến
<i>Các Thẩm phán:</i>	Ông Mai Xuân Thành
	Ông Võ Ngọc Thông

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Ân, Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số X72/TLPT-HS ngày 12 tháng 03 năm 2018 đối với bị cáo: Lê Văn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HS-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

**** Bị cáo kháng cáo:***

LÊ VĂN H - Sinh năm: 1974 tại Quảng Nam; Nơi ĐKKHKT: thôn TC2, xã Đ, huyện Đ1, Quảng Nam; chỗ ở: 429-431 đường L, phường T, Thành phố Q, Bình Định; nghề nghiệp: Giám đốc công ty TNHH TDH; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Lê Văn Đ2, sinh năm 1950; con bà: Võ Thị Th, sinh năm 1950; có vợ: Lê Thị Mỹ Ph, sinh năm: 1981; có 03 con lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 21/3/2016. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

+ Ông Đặng Trường N - Luật sư thuộc Công ty TNHH MTV S - Đoàn luật sư tỉnh Bình Định. Có mặt.

+ Ông Đinh Văn N1 – VPLS Q; Địa chỉ: 24/24 đường Đ3, quận T1, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

**** Người bị hại:*** Nguyễn Ngọc B - sinh năm: 1964; Địa chỉ: 06 đường N2, Thành phố Q, Bình Định. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng TMCP N3 Việt Nam- Chi nhánh Q.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn Tr – Phó Trưởng Ban xử lý nợ. Có mặt.

Địa chỉ: 433 đường L, Thành phố Q, Bình Định.

+ Ban quản lý khu kinh tế Bình Định

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn H1 - Phó phòng quản lý đầu tư; có mặt.

Địa chỉ: 65 đường T2, Thành phố Q, Bình Định.

+ Bà Lê Thị Th1 - Công chứng viên- Phòng Công chứng số X Địa chỉ: 84 đường T3, Thành phố Q, Bình Định; có mặt.

+ Bà Lê Thị Mỹ Ph - sinh năm: 1981; có mặt.

Địa chỉ: 429, 431 đường L, Thành phố Q, Bình Định

+ Bà Nguyễn Thị G - sinh năm: 1974; Địa chỉ: 05 đường N2, Thành phố Q, Bình Định; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Kim T4; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH TDH (gọi tắt là Công ty TDH) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3502000521 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu vào ngày 25/4/2005, với ngành nghề kinh doanh là mua bán vật tư, hóa chất và sản xuất sơn các loại phục vụ chế biến hàng lâm sản; chế biến gỗ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Người đại diện theo pháp luật là Lê Văn H - Giám đốc công ty.

Ngày 10/01/2013, Công ty TDH ký kết Hợp đồng tín dụng số X4/HĐTD vay của Ngân hàng TMCP N3 Việt Nam - chi nhánh P với số tiền là 4.600.000.000đ.

Tài sản thế chấp đảm bảo nghĩa vụ thanh toán: Phân xưởng hoàn thiện sản phẩm, nhà trưng bày sản phẩm, văn phòng làm việc, nhà thiết bị, nhà vệ sinh công nhân, bể nước cứu hỏa, nhà bảo vệ (nhà thường trực), công trình phụ trợ trên đất (tường rào cổng ngõ, hệ thống thoát nước) cho Ngân hàng TMCP N3 Việt Nam - chi nhánh P theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất (tài sản hình thành trong tương lai) số X4/2013, Hợp đồng này được Trưởng Ban quản lý khu kinh tế Bình Định xác nhận ngày 11/01 /2013.

Tại thời điểm thế chấp, các cơ quan chức năng chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với các tài sản trên; nên khi nhận thế chấp, Ngân hàng TMCP N3 giữ các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản trên gồm:

+ Hóa đơn (GTGT) số 0000053 ngày 21/3/2011 thể hiện việc chuyển nhượng tài sản giữa Công ty TH và Công ty TDH,

+ Chứng nhận đầu tư số 35221000123 cấp ngày 01/6/2011, Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch mặt bằng tổng thể tỷ lệ 1/500 ngày 08/6/2011,

+ Giấy phép xây dựng số 55/GPXD ngày 19/12/2011, Giấy phép xây dựng số 80/GPXD ngày 28/12/2012 và một số giấy tờ khác có liên quan.

Khi thế chấp các tài sản cho Ngân hàng TMCP N3, Lê Văn H có làm giấy cam kết với nội dung sau 45 ngày, kể từ ngày ký kết Hợp đồng tín dụng, Công ty sẽ cung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Lô A14 để Ngân hàng làm thủ tục đăng ký thế chấp theo quy định. Sau khi hoàn thành thủ tục vay, Công ty TDH đã nhiều lần rút vốn vay số tiền 4.100.000.000đ.

Đến cuối tháng 3/2013, Công ty TDH được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT01746 do Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường thừa ủy quyền Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định ký ngày 15/3/2013.

Ngân hàng đã nhiều lần có văn bản thông báo nhưng Lê Văn H không đem Giấy chứng nhận các tài sản trên cung cấp cho Ngân hàng TMCP N3 Việt Nam - Chi nhánh P để làm thủ tục đăng ký thế chấp như đã cam kết ban đầu (thông báo số X12 ngày 11/3/2013, số 453 ngày 03/9/2013, số 286A ngày 05/5/2014, số 775 ngày 30/9/2014).

Ngày 10/5/2012, Lê Văn H và vợ Lê Thị Mỹ Ph có vay của bà Nguyễn Thị Kim T4 số tiền 2 tỷ với lãi suất 4,5%/tháng để đầu tư sản xuất kinh doanh. Cuối năm 2013, bà T4 đòi vợ chồng H trả tiền, do đang gặp khó khăn nên Lê Văn H nói với bà T4 là Công ty TDH đang có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Lô A14 thuộc Khu Công nghiệp P có diện tích 4.624,8m², nhờ bà T4 tìm giúp người nào có điều kiện thì Công ty TDH sẽ thế chấp giấy chứng nhận để vay 2 tỷ đồng trả nợ.

Sáng ngày 10/01/2014, bà T4 dẫn theo ông Nguyễn Ngọc B đến Công ty TDH gặp Lê Văn H, H trình bày việc vay tiền và thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, sau đó ông Nguyễn Ngọc B nói với H là cầm bản sao Giấy chứng nhận để về trao đổi với gia đình, nếu đồng ý cho Công ty vay tiền sẽ thông báo lại cho bà T4.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, ông Nguyễn Ngọc B thông báo cho bà Nguyễn Thị Kim T4 là đồng ý cho Công ty TDH vay 2 tỷ đồng và yêu cầu Lê Văn H đem giấy tờ nhà xưởng, con dấu của Công ty đến Phòng Công chứng số X tỉnh Bình Định để làm thủ tục thế chấp tài sản vay tiền. Tại Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất, hai bên thống nhất với nội dung: Lê Văn H đồng ý thế chấp cho ông Nguyễn Ngọc B 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT01746; các tài sản gắn liền với đất thế chấp gồm: Nhà thường trực, nhà làm việc, nhà vệ sinh, nhà trưng bày sản phẩm, phân xưởng hoàn thiện, nhà thiết bị; 01 Giấy phép xây dựng số 55/GPXD

ngày 19/12/2011 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền vay 2.000.000.000đ của ông Nguyễn Ngọc B; thời hạn vay là 3 tháng, lãi suất vay do hai bên tự thỏa thuận. Đồng thời, cũng trong ngày 10/01/2014, Lê Văn H - Đại diện Công ty TDH cũng làm Hợp đồng ủy quyền có nội dung: ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc B được quyền chuyển nhượng, cho thuê, thế chấp tài sản được ghi trong bản Hợp đồng thế chấp nói trên với bất kỳ tổ chức, cá nhân hoặc cho bên thứ ba; thời gian ủy quyền là 01 năm kể từ ngày ký Hợp đồng ủy quyền (Hợp đồng ủy Quyền được công chứng viên Lê Thị Th1 - Phòng Công chứng số X tỉnh Bình Định ký công chứng). Hợp đồng thế chấp và Hợp đồng ủy quyền được lập thành 03 bản, Lê Văn H giữ 01 bản, ông Nguyễn Ngọc B giữ 01 bản và lưu tại Phòng Công chứng số X một bản. Sau đó ông Nguyễn Ngọc B nhờ bà Nguyễn Thị G cùng chị Lê Thị Mỹ Ph (vợ H) đến nhà bà Nguyễn Thị Kim T4 để giao nhận tiền. Bà T4 ghi nhận nội dung đã nhận tiền do Công ty TDH trả nợ 2 tỷ đồng và trả lại giấy nợ cho Lê Văn H.

Nguyễn Ngọc B đã nhiều lần yêu cầu Lê Văn H trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận nhưng H không trả. Qua tìm hiểu, ông Nguyễn Ngọc B biết Công Ty TDH đã thế chấp toàn bộ tài sản gắn liền với đất nói trên cho Ngân hàng TMCP N3 Việt Nam Chi nhánh P để vay 4.100.000.000đ theo hình thức thế chấp tài sản được hình thành trong tương lai nên viết đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân thành phố Q giải quyết. Sau khi xem xét, Tòa án nhân dân thành phố Q thấy Công ty TDH đã sử dụng 01 tài sản để thế chấp cho 02 lần vay khác nhau, có dấu hiệu tội phạm hình sự nên chuyển cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Định để xử lý theo thẩm quyền. Đến nay, Lê Văn H đã trả cho ông Nguyễn Ngọc B tổng cộng 305.000.000đ, còn chiếm đoạt 1.695.000.000đ.

Quá trình điều tra lại, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Định đã cho đối chất giữa bị can Lê Văn H và ông Nguyễn Ngọc B về nội dung ông Nguyễn Ngọc B có biết tài sản mà Lê Văn H thế chấp cho ông Nguyễn Ngọc B đã thế chấp cho ngân hàng TMCP N3 Việt Nam - chi nhánh P; ông Nguyễn Ngọc B vẫn khẳng định không biết tài sản mà Lê Văn H thế chấp cho ông là các tài sản mà H đã thế chấp cho ngân hàng như quá trình điều tra trước đây.

Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số X4 ngày 11/01/2013 giữa Công ty TDH và Ngân hàng TMCP N3 Việt Nam - chi nhánh P (nay đổi tên thành Chi nhánh Q), thể hiện rõ các hạng mục tài sản của Công ty tại Lô AI4 bao gồm: Phân xưởng hoàn thiện sản phẩm, nhà trưng bày sản phẩm, văn phòng làm việc, nhà thiết bị, nhà vệ sinh công nhân, bể nước cứu hỏa, nhà bảo vệ (nhà thường trực), công trình phụ trợ trên đất (tường rào cổng ngõ, hệ thống thoát nước) đã được thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Hợp đồng tín dụng số X4 ngày 10/01/2013 giữa Công ty TDH và Ngân hàng; khi thế chấp các tài sản trên, Công ty TDH giao cho Ngân hàng các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản trên gồm: Hóa đơn (GTGT) ngày 21/3/2011 thể hiện việc chuyển nhượng tài sản giữa Công ty TH và Công ty TDH, Chứng nhận đầu tư số 35221000123 cấp ngày 01/6/2011, Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch mặt bằng tổng thể tỷ lệ 1/500 ngày 08/6/2011, Giấy

phép xây dựng số 55/GTXD ngày 19/12/2011, Giấy phép xây dựng số 80/GPXD ngày 28/12/2012 và một số giấy tờ khác có liên quan. Tại Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất do Công ty TDH ký với ông Nguyễn Ngọc B vào ngày 10/01/2014 có Công chứng của Phòng Công chứng số X thì các hạng mục tài sản mà Công ty TDH thế chấp cho ông Nguyễn Ngọc B gồm:

Nhà thường trực (nhà bảo vệ), nhà làm việc, nhà vệ sinh, nhà trưng bày sản phẩm, phân xưởng hoàn thiện, nhà thiết bị. Các tài sản này gắn liền với thửa đất Lô A14 Khu Công nghiệp P và trùng với các danh mục tài sản mà Công ty TDH đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP N3 Việt Nam – chi nhánh P vào ngày 10/01/2013 (theo Hóa đơn (GTGT) số 0000053 ngày 21/3/2011 và Giấy phép xây dựng số 55/GPXD ngày 19/12/2011).

Đồng thời, qua kiểm tra thực tế để định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Bình Định thì ngoài các tài sản đã được định giá như trên, thì tại Lô A14 của Công ty TDH không còn tài sản nào khác.

Do đó, khẳng định tài sản mà Công ty TDH thế chấp cho Ngân hàng TMCP N3 Việt Nam - chi nhánh P và tài sản thế chấp cho ông Nguyễn Ngọc B là một tài sản. Tính đến ngày 10/01/2014, dư nợ gốc của Công ty TDH theo Hợp đồng tín dụng số X4 ngày 11/01/2013 là 3.824.000.000đ; theo kết quả định giá tài sản ngày 08/9/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự tỉnh Bình Định thì giá trị tài sản gắn liền trên đất là nhà cửa, vật kiến trúc tại Lô A 14 Khu công nghiệp P của Công ty TDH tại thời điểm tháng 01/2014 có tổng giá trị là 3.898.320.000đ. Như vậy, tài sản mà Lê Văn H đem thế chấp Ngân hàng chỉ đủ giải quyết cho Ngân hàng theo Hợp đồng đã vay chứ không còn tài sản để giao dịch thế chấp cho ông Nguyễn Ngọc B.

Về nội dung công chứng của Phòng công chứng số X tỉnh Bình Định và trách nhiệm của công chứng viên khi công chứng Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 289 ngày 10/01/2014 giữa Công ty TDH do Lê Văn H làm giám đốc đại diện và bên nhận thế chấp là ông Nguyễn Ngọc B. Cơ quan điều tra đã làm việc với Phòng công chứng số X, công chứng viên và Ban quản lý khu kinh tế Bình Định; kết quả: Tại thời điểm Công chứng Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất giữa Công ty TDH và ông Nguyễn Ngọc B, Phòng công chứng số 1 không nhận được văn bản nào của cá nhân, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu tạm dừng hay phong tỏa tài sản của Công ty TDH. Mặt khác, việc liên thông để biết được văn bản của người yêu cầu công chứng đã được giao dịch hay chưa giữa các tổ chức hành nghề công chứng ở tỉnh Bình Định cho đến nay vẫn chưa được kết nối; do đó, công chứng viên không biết và cũng không có quy định bắt buộc công chứng viên phải xác minh tình trạng của tài sản trước khi ký kết Hợp đồng cho các bên. Về Giấy phép xây dựng trong trường hợp này, công chứng viên tiếp nhận và lưu hồ sơ bản sao Giấy phép xây dựng có chứng thực của UBND phường; đây là trường hợp thế chấp tài sản để vay tiền, không chuyển dịch sở hữu, do đó bản sao Giấy phép xây dựng chỉ có ý nghĩa là thông tin cung cấp cho công chứng viên biết rằng tài sản trên đất được xây dựng hợp pháp, không vi phạm quy hoạch. Vì vậy, việc công chứng viên ký công chứng vào Hợp đồng

công chứng số 289 ngày 10/01/2014 là đúng quy định của pháp.

*** Tại bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HS-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:**

Tuyên bố: - Bị cáo Lê Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng: Điểm a Khoản 4 Điều 139; Điểm b, p Khoản 1 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/3/2016.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyết định về phần án phí; quyền kháng cáo, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Sau khi án xử sơ thẩm, ngày 06/02/2018 bị cáo Lê Văn H kháng cáo cho rằng bị cáo bị oan.

Ngày 13/02/2018, người bị hại là ông Nguyễn Ngọc B kháng cáo yêu cầu: Tòa án kê biên, phát mãi tài sản mà bị cáo Lê Văn H đã thế chấp để trả nợ cho Ông; Xem xét lại trách nhiệm của Ngân hàng TMCP N3 – Chi nhánh P để gây ra hậu quả nghiêm trọng và buộc Ngân hàng phải liên đới chịu hậu quả đã gây ra; Xem xét trách nhiệm của Công chứng viên trong khi thực hiện công chứng và buộc Phòng công chứng số X tỉnh Bình Định phải liên đới chịu trách nhiệm.

Tại phiên tòa: Bị cáo, người bị hại vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên. Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại vì chưa có đủ căn cứ buộc tội bị cáo mà cụ thể là:

Định giá tài sản thế chấp còn thiếu; chưa phân định tài sản thực tế và tài sản hình thành trong tương lai; quyền thuê lại lô đất và tiền thuê lại cơ sở hạ tầng khu kinh tế chưa được xem xét; Công chứng viên công chứng hợp đồng thế chấp không đúng vì tài sản chưa được công nhận quyền sở hữu.

Kiểm sát viên đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Lê Văn H cũng như các căn cứ mà Luật sư bào chữa cho bị cáo đã nêu ra, vì các căn cứ này đã được xem xét qua nhiều lần tiến hành điều tra vụ án. Hành vi của bị cáo Lê Văn H đã phạm vào tội: “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ” như án sơ thẩm đã quyết định là có căn cứ, không oan; Không chấp nhận các nội dung kháng cáo của người bị hại, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HSST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Sau khi nghe: Bị cáo, người bị hại trình bày nội dung và căn cứ của việc kháng cáo; quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án; Lời bào chữa của các Luật sư bào chữa cho bị cáo và tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và lời khai của bị cáo, bị hại tại phiên tòa phúc thẩm thì có căn cứ để kết luận: Ngày 11/01/2013, Lê Văn H là giám đốc – đại diện Công ty TNHH TDH đã thế chấp tài sản gồm: Phân xưởng hoàn thiện sản phẩm, nhà trưng bày sản phẩm, văn phòng làm việc, nhà thiết bị, nhà vệ sinh công nhân, bể nước cứu hỏa, nhà bảo vệ, công trình phụ trợ trên đất (tường rào cổng ngõ, hệ thống thoát nước) tại Lô A14 (có diện tích 4.624,8m²) thuộc khu Công nghiệp P, phường T, thành phố Q cho Ngân hàng TMCP N3 Việt Nam – Chi nhánh P theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất (tài sản hình thành trong tương lai) số X4/2013 để vay 4.600.000.000 đồng. Vì hồ sơ liên quan đến quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất chưa được các cơ quan có thẩm quyền cấp cho Công ty nên Lê Văn H đã cam kết trong thời hạn 45 ngày, sau khi nhận được giấy chứng nhận thì sẽ giao ngay cho ngân hàng để làm thủ tục đăng ký thế chấp. Tuy nhiên, sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT01746 ngày 15/3/2013 thì Lê Văn H không giao cho Ngân hàng như đã cam kết. Ngày 10/01/2014, Lê Văn H đã đem toàn bộ tài sản nói trên thế chấp cho ông Nguyễn Ngọc B (trú tại 05 đường N2, thành phố Q) để vay của ông Nguyễn Ngọc B 2.000.000.000 tỷ đồng. Khi cho vay, ông Nguyễn Ngọc B hoàn toàn không biết H đã dùng các tài sản trên thế chấp cho Ngân hàng. Đến thời hạn trả nợ, ông Nguyễn Ngọc B nhiều lần yêu cầu Lê Văn H trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận nhưng Lê Văn H không trả và ông Nguyễn Ngọc B biết được tài sản Lê Văn H thế chấp cho ông Nguyễn Ngọc B thì trước đó Lê Văn H đã thế chấp cho Ngân hàng 2.000.000.000 đồng nợ của ông Nguyễn Ngọc B, H chỉ trả được 305.000.000 đồng còn 1.695.000.000 đồng Lê Văn H chiếm đoạt.

Với hành vi và hậu quả như trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HS-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội: “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo Lê Văn H cho rằng: Bị cáo không phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” như Bản án sơ thẩm đã Quyết định thì thấy:

[2.1]. Bị cáo Lê Văn H là người biết rất rõ để vay được số tiền 2.000.000.000 đồng của ông Nguyễn Ngọc B thì ông Nguyễn Ngọc B yêu cầu phải có tài sản bảo đảm cho khoản vay đó; tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Ngọc B vẫn khẳng định chỉ cho bị cáo vay tiền khi có tài sản bảo đảm; bị cáo cũng biết rõ tài sản bị cáo đem thế chấp cho ông Nguyễn Ngọc B để vay tiền thì trước đó bị cáo đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP N3 Việt Nam – Chi nhánh P theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số X4/2013 để vay 4.600.000.000 đồng và Ngân hàng đã giải ngân cho bị cáo số tiền 4.100.000.000 đồng. Tài sản mà bị cáo đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP N3 Việt Nam – Chi nhánh P theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số X4/2013 để vay 4.600.000.000 đã được xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP N3 Việt Nam – Chi nhánh P tại các Bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân thành phố Q và Tòa án

nhân dân tỉnh Bình định (Bản án số 44/2015/KDTM-ST ngày 13/8/2015 và Bản án số 02/2016/KDTM-PT ngày 29/02/2016).

[2.2]. Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 2540/KL-HĐ ngày 08/9/2017 gồm tài sản gắn liền trên đất là nhà cửa, vật kiến trúc: Phân xưởng hoàn thiện sản phẩm, văn phòng làm việc, nhà vệ sinh công nhân, bể nước cứu hỏa, nhà bảo vệ (nhà thường trực) nhà bảo vệ phía sau, nhà để xe, tường rào, cổng ngõ song sắt, nhà trưng bày sản phẩm và các tài sản khác tổng cộng: 3.898.320.000 đồng và xác định tài sản mà Công ty TDH thế chấp cho NGÂN HÀNG N3 và tài sản thế chấp cho ông Nguyễn Ngọc B là một tài sản. Như vậy giá trị tài sản thế chấp cho NGÂN HÀNG N3 thấp hơn số tiền mà H đã vay, không đủ tài sản để thế chấp vay của ông Nguyễn Ngọc B.

[2.3]. bị cáo Lê Văn H đã lợi dụng việc khi thế chấp tài sản cho Ngân hàng TMCP N3 Việt Nam – Chi nhánh P theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số X4/2013 để vay 4.600.000.000 đồng thì tại thời điểm thế chấp do chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền trên đất nhưng Lê Văn H đã cam kết với Ngân hàng trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày giao dịch tín dụng sẽ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận và bị cáo H sẽ giao cho Ngân hàng để làm thủ tục đăng ký thế chấp. Đến ngày 15/3/2013 Công ty TNHH TDH được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số CT01746, nếu H thực hiện đúng cam kết với Ngân hàng thì sẽ không có hậu quả xảy ra nhưng H không nộp giấy chứng nhận các tài sản trên cho Ngân hàng N3 như đã cam kết ban đầu mặc dù Ngân hàng N3 đã nhiều lần gửi văn bản thông báo.

Như vậy Lê Văn H biết rõ hành vi sử dụng một tài sản thế chấp 2 lần vay với hai chủ thể khác nhau là vi phạm nhưng để vay được tiền nên H đã gian dối dùng tài sản đã thế chấp vay của Ngân hàng N3 để thế chấp cho ông Nguyễn Ngọc B vay 2.000.000.000 đồng, H mới trả cho ông Nguyễn Ngọc B 305.000.000 đồng, còn chiếm đoạt 1.695.000.000 đồng. Với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra nên Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HS-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, không oan.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, số tiền bị cáo chiếm đoạt 2.000.000.000 đồng, nên hành vi phạm tội của bị cáo bị truy tố và xét xử theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 nay là điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra; sau khi phạm tội bị cáo đã khai nhận đúng hành vi phạm tội, khắc phục được một phần hậu quả nên án sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ: “*khai báo thành khẩn*”, “*khắc phục hậu quả*” được quy định tại điểm p, b khoản 1 Điều

46 và áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 cho bị cáo để xử phạt bị cáo Lê Văn H 10 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo.

[4]. Xét kháng cáo của người bị hại (ông Nguyễn Ngọc B) yêu cầu: Tòa án kê biên, phát mãi tài sản mà bị cáo Lê Văn H đã thế chấp để trả nợ cho Ông; Xem xét lại trách nhiệm của Ngân hàng TMCP N3 – Chi nhánh P để gây ra hậu quả nghiêm trọng và buộc Ngân hàng phải liên đới chịu hậu quả đã gây ra; Xem xét trách nhiệm của Công chứng viên trong khi thực hiện công chứng và buộc Phòng công chứng số X tỉnh Bình Định phải liên đới chịu trách nhiệm thì thấy:

Trong vụ án này, bị cáo Lê Văn H là người biết rất rõ để vay được số tiền 2.000.000.000 đồng của ông Nguyễn Ngọc B thì ông Nguyễn Ngọc B yêu cầu phải có tài sản bảo đảm cho khoản vay đó thì mới cho vay; bị cáo cũng biết rõ tài sản bị cáo đem thế chấp cho ông Nguyễn Ngọc B để vay tiền thì trước đó bị cáo đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP N3 Việt Nam – Chi nhánh P theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số X4/2013 để vay 4.600.000.000 đồng và Ngân hàng đã giải ngân cho bị cáo số tiền 4.100.000.000 đồng. Nếu bị cáo thực hiện đúng cam kết với Ngân hàng khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thì phải giao ngay giấy tờ này cho Ngân hàng, nhưng bị cáo không thực hiện đúng cam kết và sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp cho ông Nguyễn Ngọc B nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình và người bị hại trong vụ án là ông Nguyễn Ngọc B nên Bản án sơ thẩm buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc B số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Ngọc B là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015. Về trách nhiệm của Phòng công chứng số X, Ngân hàng TMCP N3 – Chi nhánh P thì như đã nhận định ở trên là chính vì hành vi gian dối của bị cáo Lê Văn H như án sơ thẩm đã nhận định là có căn cứ, đúng pháp luật nên kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc B cũng không có căn cứ để chấp nhận.

[5]. Do kháng cáo của Bị cáo và kháng cáo về xem xét lại việc bồi thường dân sự của Người bị hại không được chấp nhận nên bị cáo Lê Văn H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; ông Nguyễn Ngọc B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại các điểm a, e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận: Kháng cáo kêu oan của bị cáo Lê Văn H và kháng cáo về trách nhiệm bồi thường dân sự của ông Nguyễn Ngọc B. Giữ nguyên Bản án

hình sự sơ thẩm số 06/2018/HS-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định

1. Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999.

+ Xử phạt bị cáo **Lê Văn H 10** (mười) năm tù về tội: “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ”. Thời gian chấp hành hình phạt của bị cáo tính từ ngày 21 tháng 3 năm 2016.

2. Áp dụng các điểm b, e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

+ Buộc bị cáo **Lê Văn H** phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

+ Buộc ông Nguyễn Ngọc B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về: Bồi thường thiệt hại; xử lý vật chứng; án phí sơ thẩm và quy định về thi hành án, chậm thi hành án được thi hành theo quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HS-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao;
- Công an tỉnh Bình Định;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Bị cáo (Trại tạm giam), Các đương sự;
- Lưu trữ, HSVA, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến